

toán. Bằng việc tổng hợp lại các nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam, tác giả nhận thấy lĩnh vực này có thể thực hiện theo nhiều hướng nghiên cứu khác nhau như tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến việc công bố, đo lường mức độ công bố trên báo cáo bền vững, lợi ích công bố báo cáo bền vững... Từ đó, bài viết này góp phần hỗ trợ cho việc thực hiện tổng quan nghiên cứu về báo cáo tính bền vững để thực hiện trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam. ■

Tài liệu tham khảo

Adams, C.A., 2004. "The ethical, social and environmental reporting performance portrayal gap". *Accounting, Auditing & Accountability Journal* 17(5), 731-757.

Bachoo, K., Tan, R. and Wilson, M., 2013. Firm value and the quality of sustainability reporting in Australia. *Australian Accounting Review*, 23(1), pp.67-87.

Bebbington, J., Unerman, J. and O'Dwyer, B. eds., 2014. *Sustainability accounting and accountability*. Routledge. Becchetti, Leonardo et al. 2012

Davis, G. and Searcy, C., 2010. A review of Canadian corporate sustainable development reports. *Journal of Global Responsibility*, 1(2), pp.316-329. European Commission, 2011: 6

Ebner, D. and Baumgartner, R.J., 2006. September. The relationship between sustainable development and corporate social responsibility. In *Corporate responsibility research conference* (Vol. 4, No. 5.9, p. 2006). El Ghoul, Sadok et al. 2011

Fijka, M.S., 2012. The development and state of research on social and environmental reporting in global comparison. *J Betriebswirtschaft* 62, 45-84.

Frias, Aceituno, J.V., Rodríguez Ariza, L. and García Sánchez, I.M., 2014. Explanatory factors of integrated sustainability and financial reporting. *Business strategy and the environment*, 23(1), pp.56-72. Gallego-Alvarez et al. 2011

GRI, 2011b. *Sustainability reporting guidelines: Version 3.1*. Amsterdam...

Áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý tại công ty chứng khoán: Thực trạng và giải pháp

✍ Ths.NCS Nguyễn Tuấn Duy*

Nhận: 10/8/2020

Biên tập: 20/8/2020

Duyệt đăng: 23/8/2020

Bài viết tổng hợp thực trạng khung pháp lý về giá trị hợp lý và thực trạng áp dụng giá trị hợp lý tại các công ty chứng khoán Việt Nam, đồng thời đề xuất một số nội dung cần tập trung hoàn thiện nhằm đẩy mạnh áp dụng giá trị hợp lý trong hệ thống kế toán doanh nghiệp nói chung và công ty chứng khoán nói riêng.

Từ khóa: Khung pháp lý, giá trị hợp lý, kế toán, công ty chứng khoán.

Abstract

This article is to summarize the current situation of the legal framework on fair value in accounting and also the current situation of applying fair value in Vietnamese securities companies, and propose some solutions to promote the application of fair value in Vietnamese businesses and also in securities companies.

Key words: Legal framework, fair value, accounting, securities companies.

1. Giá trị hợp lý trong quy định về kế toán tại các công ty chứng khoán Việt Nam

Cùng với sự hình thành và phát triển của các công ty chứng khoán (CTCK), gắn với sự phát triển chung của thị trường chứng khoán Việt Nam, chế độ kế toán của các CTCK đã trải qua nhiều lần ban hành với nhiều thay đổi quan trọng.

Lần đầu tiên, chế độ kế toán cho CTCK được ban hành vào năm 2000 theo Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC của Bộ Tài chính. Quyết định này mới chỉ dừng lại ở việc quy định về chế độ chứng từ kế toán; hệ thống tài khoản kế toán và giải thích nội dung, kết cấu, phương pháp ghi chép các tài khoản kế toán; chế độ sổ kế toán; hệ thống báo cáo tài chính (BCTC) mà chưa đề cập đến việc áp dụng giá trị hợp lý (GTHL).

Lần thứ hai vào năm 2008, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 95/2008/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với CTCK. Trong đó, Thông tư quy định chi tiết hơn về công tác kế toán đối với loại hình doanh nghiệp (DN) này, nhưng về cơ bản các quy định tại thông tư vẫn được áp dụng theo Luật Kế toán 2003 và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC (ban hành chế độ kế toán DN). Theo đó, giá gốc là cơ sở tính giá mang tính nguyên tắc và đơn vị kế toán không được tự điều chỉnh lại giá trị tài sản đã ghi sổ kế toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Tuy nhiên, vấn đề về nguyên tắc kế toán GTHL đã được đề cập lần đầu với với đầu tư chứng khoán dài hạn.

Cụ thể, trong trường hợp CTCK không có ý định hoặc không có khả năng nắm giữ khoản chứng khoán cho

* Học viện Tài chính

đến lúc đáo hạn thì nó được phân loại lại vào nhóm “Chứng khoán sẵn sàng để bán” và được ghi nhận theo GTHL. Khoản chênh lệch giữa GTHL và ghi sổ được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Theo nguyên tắc GTHL thì khi lập trình bày BCTC cần phải được xác định các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán theo GTHL. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và GTHL được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu mà không thực hiện lập dự phòng, khi khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bị giảm giá.

Gần đây nhất, năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với CTCK (có hiệu lực từ ngày 1/1/2016). Đây có thể coi là một dấu mốc quan trọng trong việc áp dụng GTHL của các CTCK. Theo đó, thông tư này hướng dẫn nguyên tắc hạch toán GTHL đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) như cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết, trái phiếu chính phủ, trái phiếu DN, chứng chỉ lưu ký...; tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)... Đồng thời, Thông tư quy định những đặc thù áp dụng trong công tác kế toán đối với CTCK. Đến nay, thông tư này vẫn còn hiệu lực.

Các hướng dẫn về kế toán GTHL trong Thông tư 210/2014/TT-BTC có thể tóm lại trong một số nội dung như sau:

1.1. Đối với nhóm các tài sản

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Là chỉ tiêu phản ánh giá trị của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, bao gồm: Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết, trái phiếu chính phủ, trái phiếu DN, chứng quyền, chứng chỉ lưu ký....

Các tài sản tài chính được phản ánh trong mục này là các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ kinh doanh. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận trên cơ sở bù trừ giữa giá mua cộng

hoặc trừ (–) chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Là chỉ tiêu phản ánh giá trị của tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS, bao gồm: Trái phiếu chính phủ, trái phiếu DN, công cụ thị trường tiền tệ, tài sản tài chính phái sinh, cho vay, thế chấp.... Tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS được phản ánh trong mục này, là các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn trong một chu kỳ kinh doanh hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ghi nhận trên cơ sở bù trừ giữa giá mua tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS cộng hoặc trừ (–) chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản cố định hữu hình

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị còn lại của các loại tài sản cố định hữu hình tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận trên cơ sở bù trừ giữa nguyên giá trừ (–) giá trị hao mòn lũy kế (+/-) chênh lệch đánh giá tài sản cố định hữu hình theo GTHL.

Đánh giá tài sản cố định hữu hình theo GTHL: Phản ánh giá trị đánh giá lại và suy giảm giá trị của các loại tài sản cố định hữu hình của DN tại thời điểm báo cáo, trên cơ sở mô hình định giá tài sản do các tổ chức thẩm định giá tài sản xác định.

Tài sản cố định thuê tài chính

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị còn lại của các loại tài sản cố định thuê tài chính tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận trên cơ sở bù trừ giữa nguyên giá trừ (–) Giá trị hao mòn lũy kế (–) Chênh lệch đánh giá tài sản cố định thuê tài chính theo GTHL.

Đánh giá tài sản cố định thuê tài chính theo GTHL: Phản ánh giá trị đánh giá lại và suy giảm giá trị của các loại tài sản cố định thuê tài chính của DN tại thời điểm báo cáo, trên cơ sở mô hình định giá tài sản do các tổ chức thẩm định giá tài sản xác định.

Tài sản cố định vô hình

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị còn lại của các loại tài sản cố định vô hình tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận trên cơ sở bù trừ giữa nguyên giá trừ (–) Giá trị hao mòn lũy kế (–) Chênh lệch đánh giá tài sản cố định vô hình theo GTHL.

Đánh giá tài sản cố định vô hình theo GTHL: Phản ánh giá trị đánh giá lại và suy giảm giá trị của các loại tài sản cố định vô hình của DN tại thời điểm báo cáo trên cơ sở mô hình định giá tài sản do các tổ chức thẩm định giá tài sản xác định.

Bất động sản đầu tư

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị còn lại của các loại bất động sản đầu tư tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận trên cơ sở bù trừ giữa nguyên giá trừ (–) Giá trị hao mòn lũy kế (–) Chênh lệch đánh giá bất động sản đầu tư theo GTHL.

Đánh giá bất động sản đầu tư theo GTHL: Phản ánh giá trị đánh giá lại và suy giảm giá trị của các loại bất động sản đầu tư của DN tại thời điểm báo cáo, trên cơ sở mô hình định giá tài sản do các tổ chức thẩm định giá tài sản xác định.

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn

Chỉ tiêu này phản ánh khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn như dự phòng suy giảm giá trị tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản khác tại thời điểm báo cáo. Số liệu đề ghi vào chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn: (...).

1.2. Đối với vốn chủ sở hữu

Chênh lệch đánh giá tài sản theo GTHL

Chỉ tiêu này phản ánh chênh lệch do đánh giá lại tài sản chưa được xử lý theo GTHL tại thời điểm báo cáo.

1.3. Đối với doanh thu, chi phí hoạt động và các đối tượng khác

Doanh thu hoạt động

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số lãi từ hoạt động kinh

doanh các tài sản tài chính và doanh thu các loại hoạt động của CTCK trong kỳ báo cáo, bao gồm: Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL, lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), lãi từ các khoản cho vay và phải thu, lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)... Trong đó, GTHL được áp dụng cho chi tiêu lãi từ các tài sản tài chính, ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL phản ánh số lãi, do đánh giá lại các tài sản tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Phản ánh số lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS mà CTCK được nhận (lãi cổ tức, lãi trái phiếu, công cụ tiền tệ).

Chi phí hoạt động

- *Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):* Là chi tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số lỗ từ kinh doanh các tài sản tài chính FVTPL của CTCK trong kỳ báo cáo, bao gồm cả lỗ do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.

Cụ thể: (i) Lỗ từ bán các tài sản tài chính FVTPL: Phản ánh số lỗ từ bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL của CTCK trong kỳ báo cáo; (ii) Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL: phản ánh số lỗ do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL); (iii) Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL: phản ánh chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL).

- *Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo GTHL tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS khi phân loại lại*

Là chi tiêu phản ánh lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo GTHL tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS khi phân loại lại.

Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay

Chi tiêu này phản ánh chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

+ Lợi nhuận đã thực hiện. Chi tiêu này phản ánh tổng lợi nhuận kế toán đã thực hiện trong năm báo cáo của CTCK trước khi trừ chi phí thuế thu nhập DN từ hoạt động kinh doanh, hoạt động khác phát sinh trong kỳ báo cáo. Chi tiêu này không bao gồm chi tiêu Chênh lệch tăng/giảm đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL);

- Lợi nhuận chưa thực hiện. Chi tiêu này phản ánh tổng lợi nhuận kế toán chưa thực hiện trong năm báo cáo của CTCK trước khi trừ chi phí Thuế thu nhập DN từ hoạt động kinh doanh, hoạt động khác phát sinh trong kỳ báo cáo. Chi tiêu này bao gồm chi tiêu: Chênh lệch tăng giảm đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua Lãi Lỗ (FVTPL);

- *Thu nhập (lỗ) toàn diện khác sau thuế thu nhập DN*

- Lãi Lỗ từ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS: phản ánh số chênh lệch lãi (lỗ) từ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS trong kỳ của CTCK.

- Lãi lỗ đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình GTHL: phản ánh số lãi (lỗ) từ việc đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình GTHL phát sinh trong kỳ của CTCK.

2. Nhận xét và khuyến nghị

Trên cơ sở các quy định pháp lý ở trên, các CTCK đã từng bước áp dụng các quy định về giá trị hợp lý với các đối tượng phù hợp. Tuy nhiên, có thể nhận thấy việc áp dụng giá trị hợp lý ở các công ty này chủ yếu mới thực hiện đối với các khoản mục tài sản, nợ phải trả là các công cụ tài chính có giao dịch trên thị

trường; các tài sản phi tài chính ở các công ty này cơ bản vẫn được đánh giá theo mô hình giá gốc. Hơn nữa, trong thực tế công tác kế toán ở các công ty chứng khoán chưa xây dựng được các quy trình chuẩn trong việc thu nhận, xử lý thông tin về giá trị hợp lý dẫn đến việc áp dụng giá trị hợp lý chưa thống nhất.

Từ phân tích thực trạng khung pháp lý về GTHL trong kế toán chúng tôi có một số khuyến nghị như sau:

Một là, cần sớm hoàn thiện hệ thống chuẩn mực kế toán quốc gia theo hướng hội tụ với IASs và IFRSs. Đặc biệt là cần ban hành một chuẩn mực chung quy định các nguyên tắc kế toán GTHL cho tất cả các DN. Trên cơ sở đó, các DN hay các CTCK mới có những căn cứ thống nhất để thực hành GTHL trong kế toán DN. Ngoài ra, những chuẩn mực cụ thể cũng cần chỉ rõ những nguyên tắc thực hành GTHL với những đối tượng kế toán có liên quan.

Hai là, cần hoàn thiện các thị trường sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo hướng minh bạch, tập trung. Việc càng có nhiều thị trường hoạt động sẽ giúp cho khả năng áp dụng GTHL vào các DN nói chung và các CTCK nói riêng được dễ dàng hơn.

Ba là, tiếp tục phát triển thị trường dịch vụ thẩm định giá. Các DN có thể tự mình xác định GTHL. Tuy nhiên để tăng tính tin cậy, khách quan của thông tin được xác định, các DN có thể xem xét sử dụng dịch vụ thẩm định giá của một tổ chức độc lập với DN. ■

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tài chính. Hệ thống văn bản pháp lý về kế toán cho CTCK của Việt Nam.
2. BCTC của các CTCK niêm yết trên TTCK Việt Nam cho các kỳ kế toán trong giai đoạn 2016 – 2018.
3. Báo cáo thường niên của các CTCK niêm yết trên TTCK Việt Nam cho các kỳ kế toán toàn trong giai đoạn 2016 – 2018.
4. Website các CTCK niêm yết trên TTCK Việt Nam.
5. Các báo cáo về TTCK của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.